BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2019/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2019*

THÔNG TƯ
Công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến hoạt động của tàu thuyền trong khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải.

Điều 2. Danh mục khu vực hàng hải

Công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Bãi bỏ các quy định về Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải trước đây trái với Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Công

PHỤ LỤC

DANH MỤC KHU VỰC HÀNG HẢI THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên Cảng vụ hàng hải	Khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải
1	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	Gồm 06 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà, khu vực hàng hải Mũi Chùa, khu vực hàng hải Cô Tô, khu vực hàng hải Cẩm Phả - Cửa Đối, khu vực hàng hải Hòn Gai và khu vực hàng hải Quảng Yên
2	Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng	Gồm 01 khu vực: khu vực hàng hải Hải Phòng
3	Cảng vụ Hàng hải Thái Bình	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Diêm Điền - Trà Lý
4	Cảng vụ Hàng hải Nam Định	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Ninh Cơ
5	Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa	Gồm 02 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Lệ Môn và khu vực hàng hải Nghi Sơn
6	Cảng vụ Hàng hải Nghệ An	Gồm 02 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Đông Hồi và khu vực hàng hải Cửa Lò - Bến Thủy
7	Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh	Gồm 02 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Vũng Áng - Sơn Dương và khu vực hàng hải Nghi Xuân
8	Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình	Gồm 02 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Hòn La và khu vực hàng hải Cửa Gianh
9	Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Quảng Trị
10	Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế	Gồm 02 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Thuận An và khu vực hàng hải Chân Mây

11	Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Đà Nẵng - Mỹ Khê
12	Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Kỳ Hà - Cù Lao Chàm
13	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi	Gồm 03 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải đảo Lý Sơn, khu vực hàng hải Sa Kỳ và khu vực hàng hải Dung Quất
14	Cảng vụ hàng hải Quy Nhơn	Gồm 03 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Quy Nhơn, khu vực hàng hải Vũng Rô và khu vực hàng hải vịnh Xuân Đài
15	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang	Gồm 05 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Nha Trang, khu vực hàng hải Vịnh Vân Phong, khu vực hàng hải Cam Ranh, khu vực hàng hải Trường Sa, khu vực hàng hải vịnh Phan Rang
16	Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận	Gồm 05 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Vĩnh Tân - Cà Ná, khu vực hàng hải Hòa Phú, khu vực hàng hải Phan Thiết, khu vực hàng hải Phú Quý, khu vực hàng hải cảng dầu khí ngoài khơi (bao gồm các mỏ Hồng Ngọc, mỏ Sư Tử Đen, mỏ Sư Tử Vàng, mỏ Thăng Long - Đông Đô)
17	Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	Gồm 03 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Vũng Tàu (gồm khu vực sông Thị Vải, sông Cái Mép, sông Dinh và vịnh Gành Rái - khu neo đậu Vũng Tàu), khu vực hàng hải Côn Đảo và khu vực hàng hải dầu khí ngoài khơi (bao gồm các mỏ Bạch Hổ, mỏ Rồng, mỏ Đại Hùng, mỏ Rạng Đông, mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây, mỏ Tê Giác Trắng, mỏ Chim Sáo, mỏ Lan Tây, mỏ Biển Đông)
18	Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	Gồm 02 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Thị Vải và khu vực hàng hải Lòng Tàu - Nhà Bè - Đồng Nai (do Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai quản lý)
19	Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.

20	Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho	Gồm 04 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Tiền Giang, khu vực hàng hải Vĩnh Long, khu vực hàng hải Bến Tre và khu vực hàng hải Long An
21	Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Đồng Tháp
22	Cảng vụ Hàng hải An Giang	Gồm 01 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải An Giang
23	Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ	Gồm 03 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Cần Thơ, khu vực hàng hải Trà Vinh và khu vực hàng hải Sóc Trăng
24	Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang	Gồm 04 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Hòn Chông - Bình Trị, khu vực hàng hải Hà Tiên, khu vực hàng hải Phú Quốc, khu vực hàng hải Rạch Giá
25	Cảng vụ Hàng hải Cà Mau	Gồm 02 khu vực hàng hải: khu vực hàng hải Năm Căn và khu vực hàng hải dầu khí ngoài khơi mỏ Sông Đốc

Ghi chú: *đối với khu vực Bạch Long Vỹ (Hải Phòng), khu vực Cồn Cỏ (Quảng Trị), khu vực Hòn Nội (Khánh Hòa), khu vực Nam Du (Kiên Giang) thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.*